TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/DS-ST
Ngày: 27 - 3 - 2023.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đoạt

2. Bà Phạm Hồng Gái

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên toà*: Thuộc trường hợp, đại diện Viện kiểm sát không tham gia.

Ngày 27 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 311/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Ngọc A, sinh năm: 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã G, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Dư L, sinh năm: 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Chị Lê Thị U, sinh năm: 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn anh Lê Ngọc A trình bày:

Anh có cho vợ chồng anh Đỗ Dư L và bà Lê Thị U vay nhiều lần với tổng số tiền vay, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vay ngày 10/10/2019 số tiền vay là 50.000.000 đồng, có làm biên nhận, có lãi suất thoả thuận theo miệng với nhau là 3%/tháng/1.000.000 đồng.

- Lần thứ hai: Vay ngày 05/11/2019, vợ chồng anh Đỗ Dư L có vay số tiền 20.000.000 đồng, có làm biên nhận, có thoả thuận lãi suất miệng với nhau 3%/tháng/1.000.000 đồng.

Sau khi vay hai lần, vợ chồng anh Đỗ Dư L chỉ thanh toán số tiền 3.000.000 đồng và đến nay không thanh toán. Mặc dù, anh đã nhiều lần yêu cầu trả nợ vay nhưng vợ chồng anh Đỗ Dư L không trả. Do đó, yêu cầu Toà án buộc vợ chồng anh Đỗ Dư L và chị Lê Thị U phải trả số tiền gốc vay là 70.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 15/4/2019 cho đến 15/4/2022 là 36 tháng với lãi suất 1,6%/tháng = 40.320.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc, lãi là: 110.320.000 đồng.

Tại buổi hoà giải, anh Lê Ngọc A yêu cầu anh Đỗ Đư L và chị Lê Thị U trả tiền gốc là 70.000.000; đồng thời, không yêu cầu tiền lãi đối với số tiền gốc 70.000.000 đồng.

2. Tại bản tự khai, bị đơn Lê Thị U và anh Đỗ Dư L thống nhất trình bày:

Chị U, anh L không nhớ chính xác thời gian nhưng anh chị thừa nhận có nợ anh Lê Ngọc A số tiền gốc là 70.000.000 đồng nên anh, chị đồng ý trả số tiền gốc 70.000.000 đồng và xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ. Đối với số tiền lãi mà anh A yêu cầu thì anh chị không đồng ý trả lãi.

**** Tại phiên tòa sơ thẩm:***

- *Nguyên đơn anh Lê Ngọc A có ý kiến*: Anh yêu cầu anh L, chị U trả số tiền gốc 70.000.000 đồng, không yêu cầu chị U, anh L phải trả lãi đối với số tiền gốc vay nhưng anh A không đồng ý yêu cầu trả dần của anh L, chị U với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ.

- *Bị đơn chị Lê Thị U, anh Đỗ Dư L có đơn xin xét xử* vắng mặt tại phiên toà nên không có trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đỗ Dư L, chị Lê Thị U có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L, chị U.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*:* Nguyên đơn anh Lê Ngọc A khởi kiện yêu cầu chị Lê Thị U và anh Đỗ Dư L trả số tiền vay 70.000.000 đồng nên quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn anh Đỗ Dư L và chị Lê Thị U có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã Bình Sơn, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Ngọc A với bị đơn anh Đỗ Dư L và chị Lê Thị U thống nhất xác định: Anh L, chị U có nợ anh A số tiền gốc 70.000.000 đồng và anh L, chị U đồng ý trả cho anh A số tiền này nhưng xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ. Xét thấy, các đương sự đã thống nhất số tiền anh L, chị U nợ anh A nên căn cứ Điều 91 của BLTTDS năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của anh A có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Riêng đối với ý kiến của chị U, anh L xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, anh A không đồng ý với ý kiến của anh L, chị U xin trả dần. Đồng thời, căn cứ Thông tư Liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của TAND Tối Cao - VKSND Tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính quy định việc quyết định cho đương sự trả một lần hay nhiều lần thuộc thẩm quyền của Cơ quan thi hành án khi bản án có hiệu lực thi hành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.2]. Nguyên đơn anh Lê Ngọc A không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 70.000.000 đồng và chị U, anh L không yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả cho anh A. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh L, chị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Ngọc A với bị đơn anh Đỗ Dư L và chị Lê Thị U.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 91, 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 357, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 27, 30 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Ngọc A với bị đơn anh Đỗ Dư L và chị Lê Thị U về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản.

2. Buộc anh Đỗ Dư L và chị Lê Thị U phải thanh toán cho anh Lê Ngọc A số tiền gốc là 70.000.000 đồng *(bằng chữ: Bảy mươi triệu đồng).*

3. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn anh Lê Ngọc A không yêu cầu anh Đỗ Dư L và chị Lê Thị U phải trả tiền lãi đối với số tiền vay 70.000.000 đồng.

Kể từ ngày anh Lê Ngọc A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đỗ Dư L và chị Lê Thị U không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bị đơn anh Đỗ Dư L và chị Lê Thị U phải chịu án phí dân sự giá ngạch đối với số tiền là 70.000.000 đồng x 5% = 3.500.000 đồng *(bằng chữ: Ba triệu năm trăm nghìn đồng).*

- Anh Lê Ngọc A không phải chịu án phí, hoàn trả cho anh Lê ngọc A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.758.000 đồng *(Bằng chữ: hai triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0008246 ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng anh Đỗ Dư L và chị Lê Thị U vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Quỳnh